

THỜI KHÓA BIỂU ÔN THI TỐT NGHIỆP
BẠC CAO ĐẲNG NGHỀ - MÔN CHÍNH TRỊ KHÓA 2011,2012

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học	Sĩ số	Thứ	Tiết	Bắt đầu	Kết thúc	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
1	CB-TC07	Chính trị	60	4	12 → 16	16/12/2015	16/12/2015	Cù Ngọc Phương	D.101	Tiết 1: 07h00 Tiết 7: 12h45 Tiết 12: 17h00 Ký hiệu Phòng D: 298A Nguyễn Tất Thành, P.13,Q.4,TPHCM
2	CB-TC07	Chính trị	60	8	1 → 5	13/12/2015	13/12/2015	Cù Ngọc Phương	D.202	
3	CB-TC07	Chính trị	60	8	7 → 11	13/12/2015	13/12/2015	Cù Ngọc Phương	D.202	
4	CB-TC07	Chính trị	60	6	12 → 16	11/12/2015	18/12/2015	Cù Ngọc Phương	D.101	
5	CB-TC07	Chính trị	60	3	12 → 16	15/12/2015	15/12/2015	Cù Ngọc Phương	D.101	

Tp.HCM, ngày 09 tháng 12 năm 2015

Phòng Quản lý đào tạo

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ÔN THI TỐT NGHIỆP**BẠC CAO ĐẲNG NGHỀ - KHÓA 11,12 (MÔN CHÍNH TRỊ)**

Stt	Mã hóa đơn	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học
1	LP/0018519	2511000055	Nguyễn Văn	Định	10/01/1989	11CNDT01
2	BA/0054253	2511000047	Phạm Minh	Giang	04/10/1993	11CNDT01
3	BA/0054256	2511000100	Cao Quân	Nguyệt	15/12/1992	11CNDT01
4	LP/0017252	2511000025	Vũ Minh	Phụng	01/07/1992	11CNDT01
5	LP/0017824	2511000339	Nguyễn Thị Tuyết	Đào	12/10/1993	11CNKT01
6	LP/0018094	2511000205	Đồng Thành	Lộc	26/07/1993	11CNKT01
7	LP/0018063	2511000064	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	31/10/1993	11CNKT01
8	LP/0019099	2511000227	Nguyễn Hồng	Thơ	24/10/1993	11CNKT01
9	LP/0018067	2511000277	Phạm Thị Huyền	Trang	15/12/1993	11CNKT01
10	BA/0054187	1211513352	Võ Thành	Hiệp	22/01/1993	12CNDN01
11	LP/0018697	1211511242	Trần Quốc	Tài	25/04/1993	12CNDN01
12	LP/0018302	1211513390	Đỗ Thị Thanh	Trang	20/10/1989	12CNDN01
13	BA/0054188	1211509871	Nguyễn Lê Hoài	Việt	23/10/1985	12CNDN01
14	LP/0018940	1211509102	Lê Thị Thúy	An	28/07/1993	12CNKT01
15	LP/0018938	1211514276	Đào Quốc Quỳnh	Anh	18/06/1994	12CNKT01
16	LP/0017877	1211512958	Lê Thùy	Dương	27/07/1994	12CNKT01
17	LP/0018931	1211508473	Lý Ngọc Tú	Hà	24/09/1994	12CNKT01
18	LP/0019550	1211505891	Lê Thị Ngọc	Hà	07/06/1994	12CNKT01
19	LP/0018939	1211508636	Nguyễn Thị Bé	Loan	18/09/1992	12CNKT01
20	BA/0054251	1211508969	Huỳnh Bảo	Ngọc	07/06/1994	12CNKT01
21	LP/0018930	1211508935	Lê Huỳnh Trọng	Nhân	02/10/1993	12CNKT01
22	LP/0018941	1211513426	Nguyễn Bích Thanh	Tâm	01/03/1994	12CNKT01
23	LP/0017333	1211512722	Đoàn Thị Anh	Thy	20/12/1994	12CNKT01
24	LP/0017332	1211513554	Cao Thị Hồng	Trúc	29/06/1993	12CNKT01
25	LP/0019193	1211510367	Phan Lê Quế	Anh	12/05/1994	12CNQL01
26	LP/0019217	1200000280	Lưu	Bình	02/12/1994	12CNQL01
27	LP/0019212	1211512577	Nguyễn Tấn	Cường	01/03/1994	12CNQL01
28	LP/0019216	1211509754	Đỗ Phú	Đời	12/04/1992	12CNQL01
29	LP/0019192	1211510402	Dương Mộng	Hùng	14/07/1994	12CNQL01
30	LP/0019199	1211510054	Huỳnh Tuấn	Khang	05/06/1994	12CNQL01
31	LP/0019191	1211507442	Triệu Thị Thảo	Lam	07/07/1994	12CNQL01
32	LP/0019281	1211507114	Phan Thị Thu	Ngân	19/10/1994	12CNQL01

Stt	Mã hóa đơn	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học
33	LP/0019172	1211508802	Bùi Phương	Nhi	23/08/1994	12CNQL01
34	LP/0019213	1211509024	Lê Ngọc Hoàng	Phương	15/07/1992	12CNQL01
35	LP/0019234	1211506707	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	27/06/1994	12CNQL01
36	LP/0019173	1211509638	Nguyễn Trần Thùy	Trang	05/01/1994	12CNQL01
37	LP/0019218	1211513183	Bành Thùy	Trang	07/10/1993	12CNQL01
38	BA/0054322	1211513212	Kim Nguyễn Hoàng	Uyên	26/03/1994	12CNQL01
39	LP/0019214	1211506964	Nguyễn Bích	Vân	23/11/1994	12CNQL01
40	LP/0019502	1211511608	Phạm Thị Hải	Âu	03/12/1994	12CNTA01
41	LP/0019493	1211510096	Bùi Thái	Dện	20/07/1993	12CNTA01
42	LP/0019464	1211512777	Nguyễn Thị Kiều	Giang	24/09/1988	12CNTA01
43	LP/0019465	1211512777	Nguyễn Thị Kiều	Giang	24/09/1988	12CNTA01
44	LP/0019501	1211506105	Nguyễn Thị Thu	Hồng	03/02/1994	12CNTA01
45	LP/0019461	1211510986	Trần Kim	Huyền	17/01/1994	12CNTA01
46	LP/0019494	1211510093	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/03/1994	12CNTA01
47	LP/0019463	1211512927	Hồ Cẩm	Quân	07/11/1993	12CNTA01
48	LP/0019462	1211510864	Phạm Thị Thùy	Quyên	10/12/1994	12CNTA01
49	LP/0019503	1211509660	Nguyễn Thị Kim	Thao	19/03/1994	12CNTA01
50	LP/0019271	1211508994	Nguyễn Trần Minh	Cường	17/10/1993	12CNTH01
51	LP/0019410	1211509596	Huỳnh Hải	Đăng	17/07/1988	12CNTH01
52	LP/0017224	1211510703	Hồ Hoàng	Hải	03/04/1994	12CNTH01
53	BA/0175662	1211508497	Lâm Gia	Huy	03/10/1992	12CNTH01
54	BA/0175663	1211507812	Nguyễn Phước	Lộc	02/03/1994	12CNTH01
55	LP/0019263	1211509910	Vũ Anh	Tuấn	31/01/1993	12CNTH01
56	LP/0017192	1211509867	Vương Quốc	Đăng	27/07/1994	12CNXD01
57	LP/0018197	1211509510	Đặng Hoàng Chí	Hiếu	25/12/1994	12CNXD01

PHÒNG QL ĐÀO TẠO